BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2024/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2024*

THÔNG TƯ
Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và cấp chứng chỉ nghiệp vụ thẩm định giá

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và cấp chứng chỉ nghiệp vụ thẩm định giá.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, cấp chứng chỉ nghiệp vụ thẩm định giá cho thẩm định viên về giá và người làm công tác thẩm định giá của nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với người có nhu cầu dự thi để được cấp Thẻ thẩm định viên về giá; người có Thẻ thẩm định viên về giá; thẩm định viên về giá; người làm công tác thẩm định giá của Nhà nước; đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá; cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định giá; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá (sau đây gọi tắt là đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức).

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

1. Chương trình, nội dung, thời gian đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải phù hợp với các đối tượng tham dự lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo quy định tại Thông tư này.

2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải đảm bảo thường xuyên cập nhật, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của người tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức.

3. Việc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức được tổ chức dưới hình thức tập trung. Trong trường hợp phát sinh tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh hoặc các trường hợp cần thiết khác, Bộ Tài chính thông báo việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức được thực hiện theo hình thức trực tuyến.

4. Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Yêu cầu đối với đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

Đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức khi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

1. Có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đạt đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có trình độ đại học, sau đại học chuyên ngành phù hợp với chuyên đề giảng dạy;

b) Có thời gian công tác từ 5 (năm) năm trở lên liên quan trực tiếp đến chuyên đề giảng dạy;

c) Người đã tham gia nghiên cứu, giảng dạy liên quan đến các chuyên đề giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc người đã làm công tác quản lý nhà nước liên quan đến giá, thẩm định giá hoặc các chuyên gia, thẩm định viên về giá trong và ngoài nước có đủ trình độ, uy tín chuyên môn phù hợp với các chuyên đề của lớp học quy định tại Thông tư này.

2. Có kế hoạch, nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phù hợp với quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 15, Điều 16 và Điều 20 Thông tư này.

3. Phải bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, bao gồm phòng học, bàn ghế, bảng viết, giáo cụ và các trang thiết bị cần thiết khác (tự có hoặc có hợp đồng thuê). Trường hợp thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo hình thức trực tuyến, thì phải bảo đảm cơ sở vật chất (tự có hoặc có hợp đồng thuê) để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo hình thức này.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

1. Quyền của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

a) Chiêu sinh và chủ động triển khai thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo đúng các đối tượng quy định Thông tư này;

b) Được thu tiền dịch vụ từ những học viên tham dự lớp học. Mức thu tiền dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức do Thủ trưởng đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quyết định. Việc thu, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán đối với nguồn thu tiền dịch vụ từ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

c) Cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá, Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước và xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá theo quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

a) Chấp hành các quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức; kiểm tra đánh giá kết quả học tập, cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá, Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước và xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá theo quy định tại Thông tư này;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này;

c) Thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của học viên vào Phiếu đánh giá chất lượng lớp học theo Mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính đúng đắn, hợp pháp của kết quả đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và các Chứng chỉ hoặc xác nhận do đơn vị mình cấp;

đ) Cấp lại chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức do sai thông tin học viên hoặc không đúng so với mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Tài chính hoặc trong trường hợp bị mất, bị hỏng theo yêu cầu của học viên;

e) Không được cấp Chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức cho những người không có tên trong danh sách học, những người có tham gia học nhưng không đạt yêu cầu lớp học theo quy định tại Thông tư này;

g) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quy định tại Điều 7 Thông tư này;

h) Cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn các thông tin, tài liệu, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức;

i) Chịu sự kiểm tra của Bộ Tài chính trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Chế độ báo cáo việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

1. Đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thực hiện báo cáo định kỳ hàng Quý về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá của đơn vị mình theo các nội dung sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá Quý I/ II/ III/ IV;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Quyết định mở từng lớp học; Quyết định công nhận kết quả đạt yêu cầu từng lớp học; Danh sách học viên đạt yêu cầu từng lớp học và được cấp Chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; Lịch học của từng lớp học kèm theo nội dung, chương trình;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Quản lý giá;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo bằng một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi

thư điện tử theo địa chỉ baocaotdg@mof.gov.vn (bản scan); hoặc qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng khi hệ thống này được xây dựng và đi vào hoạt động;

e) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày cuối cùng của tháng đầu Quý liền kề sau Quý báo cáo;

g) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng Quý;

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Ngày cuối cùng của Quý báo cáo;

i) Mẫu báo cáo: Quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá của đơn vị mình theo các nội dung sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo tình hình hoạt động và phương hướng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức năm;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá trong năm báo cáo;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Quản lý giá;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo bằng một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi thư điện tử theo địa chỉ baocaotdg@mof.gov.vn (bản scan); hoặc qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng khi hệ thống này được xây dựng và đi vào hoạt động;

e) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất trước ngày 31/01 của năm liền sau năm báo cáo;

g) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm;

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Ngày cuối cùng của năm báo cáo;

i) Mẫu báo cáo: Quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá của mình.

4. Đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 7. Lưu trữ hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

1. Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lưu trữ tại Bộ Tài chính bao gồm:

a) Báo cáo quý về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức gửi đến Bộ Tài chính;

b) Báo cáo năm về tình hình hoạt động và phương hướng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức gửi đến Bộ Tài chính;

c) Báo cáo đột xuất về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức gửi đến Bộ Tài chính.

2. Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải lưu trữ tại đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại Điều 6 Thông tư này;

b) Các bài kiểm tra của học viên đối với đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước;

c) Phiếu đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức;

d) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Hình thức lưu trữ bằng giấy hoặc dữ liệu điện tử. Thời gian lưu trữ là 10 (mười) năm đối với hồ sơ tổ chức đào tạo và 05 (năm) năm đối với hồ sơ tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức. Thủ trưởng đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá phải chịu trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ, tiêu hủy hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương II
ĐÀO TẠO VỀ NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 8. Đối tượng đào tạo

1. Người có nhu cầu dự thi để được cấp thẻ thẩm định viên về giá.

2. Các đối tượng khác có nhu cầu tham gia lớp đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá.

Điều 9. Đơn vị đào tạo

Các đơn vị sau đây đáp ứng đủ các yêu cầu quy định tại Điều 4 Thông tư này được tổ chức đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá:

1. Các cơ sở giáo dục đại học có chuyên ngành đào tạo trình độ đại học về thẩm định giá theo quy định của pháp luật giáo dục – đào tạo.

2. Các đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính.

3. Hội nghề nghiệp về thẩm định giá.

Điều 10. Hình thức tổ chức, nội dung và chương trình đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

1. Lớp đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá được tổ chức tập trung một kỳ liên tục hoặc nhiều kỳ nhưng không kéo dài quá 3 (ba) tháng cho một lớp học và phải đảm bảo dạy và học đủ thời lượng, nội dung và chương trình theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nội dung và chương trình đào tạo:

	Tên Chuyên đề	Số giờ học
A	**PHẦN KIẾN THỨC CHUNG**	
Chuyên đề 1	Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực thẩm định giá	24
Chuyên đề 2	Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và Nguyên lý căn bản về thẩm định giá	24
Chuyên đề 3	Phân tích tài chính doanh nghiệp	20

	Tên Chuyên đề	Số giờ học
B	**PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ**	
Chuyên đề 4	Thẩm định giá bất động sản	24
Chuyên đề 5	Thẩm định giá động sản 1 (Thẩm định giá máy, thiết bị)	24
Chuyên đề 6	Thẩm định giá động sản 2 (Thẩm định giá tài sản vô hình và các động sản khác)	20
Chuyên đề 7	Thẩm định giá doanh nghiệp	24

a) Lớp đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá tài sản bao gồm 05 chuyên đề: Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực thẩm định giá; Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và Nguyên lý căn bản về thẩm định giá; Thẩm định giá bất động sản; Thẩm định giá động sản 1 (Thẩm định giá máy, thiết bị); Thẩm định giá động sản 2 (Thẩm định giá tài sản vô hình và các động sản khác);

b) Lớp đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá doanh nghiệp bao gồm các chuyên đề quy định tại điểm a khoản này và 02 chuyên đề: Phân tích tài chính doanh nghiệp; Thẩm định giá doanh nghiệp;

c) Thời lượng cho một lớp đào tạo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này là 116 giờ, lớp đào tạo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là 160 giờ, chưa bao gồm thời gian ôn tập và kiểm tra đánh giá kết quả học tập quy định tại Điều 11 Thông tư này;

d) Các học viên đã có kết quả đạt yêu cầu của lớp đào tạo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được phép học bổ sung để hoàn thành chương trình của lớp đào tạo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

3. Một lớp học đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá tối đa không quá 150 học viên.

4. Đơn vị tổ chức đào tạo thực hiện việc biên soạn tài liệu đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá theo nội dung khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về thẩm định

giá quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; đồng thời, có trách nhiệm cập nhật những nội dung, quy định mới của nhà nước liên quan đến lĩnh vực giá, thẩm định giá trong quá trình giảng dạy.

Điều 11. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập

1. Kết thúc lớp đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá, đơn vị đào tạo phải tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Nội dung các bài kiểm tra phải thể hiện được những kiến thức cơ bản của các chuyên đề trong chương trình học:

a) Đối với lớp đào tạo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư này, việc kiểm tra được thực hiện bằng 2 (hai) bài viết; trong đó, bài kiểm tra cho phần kiến thức chung là 120 phút, cho phần kiến thức nghiệp vụ là 150 phút;

b) Đối với các học viên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Thông tư này phải làm 01 (một) bài kiểm tra viết 150 phút cho các chuyên đề học bổ sung.

2. Điểm các bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 10 (mười). Bài kiểm tra dưới 5 điểm là bài kiểm tra không đạt yêu cầu.

3. Học viên tham dự lớp học không đảm bảo tối thiểu 80% thời gian học theo quy định cho mỗi chuyên đề thì không được tham dự kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho phần kiến thức có chuyên đề đó và phải học lại chuyên đề còn thiếu.

4. Trường hợp vì lý do thai sản, tai nạn, ốm đau có giấy chứng nhận của bệnh viện (sau đây gọi tắt là lý do đặc biệt), học viên không tham dự kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thì học viên phải có đơn đề nghị hoãn kiểm tra và phải được Thủ trưởng đơn vị đào tạo chấp thuận.

5. Học viên có bài kiểm tra không đạt yêu cầu và học viên chưa dự kiểm tra vì lý do đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều này có quyền dự kiểm tra lại một lần đối với mỗi bài kiểm tra. Thời gian tổ chức kiểm tra lại cho những học viên trên do Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định nhưng không quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc lớp đào tạo.

Điều 12. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

1. Học viên có kết quả từ 5 (năm) điểm trở lên đối với mỗi bài kiểm tra là học viên đạt yêu cầu lớp học và được cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá tài sản hoặc Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá doanh nghiệp tùy theo chương trình học mà học viên tham gia đào tạo.

Học viên đã được cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá tài sản được phép học bổ sung để hoàn thành chương trình của lớp đào tạo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư này để được cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá doanh nghiệp.

2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo (hoặc cấp phó được Thủ trưởng đơn vị đào tạo phân công) ký, cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và phải được đóng dấu giáp lai ảnh của học viên.

3. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá tài sản là một trong những điều kiện để đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá tài sản. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá doanh nghiệp là một trong những điều kiện để đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc để đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp.

Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá cũng là điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của người thành lập hội đồng thẩm định giá tham gia hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Điều 60 Luật Giá.

4. Các trường hợp cấp lại Chứng chỉ vì bị mất, bị hỏng do thiên tai, địch họa hoặc lý do bất khả kháng khác sẽ do đơn vị đào tạo xem xét, quyết định nhưng phải ghi rõ Chứng chỉ cấp lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cấp lại này.

Chương III
BỒI DƯỠNG THẨM ĐỊNH GIÁ NHÀ NƯỚC

Điều 13. Đối tượng bồi dưỡng

1. Người làm công tác thẩm định giá nhà nước.

2. Các đối tượng khác trong các cơ quan nhà nước và người có nhu cầu bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước.

Điều 14. Đơn vị bồi dưỡng

Các đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính đáp ứng đủ các yêu cầu quy định tại Điều 4 Thông tư này được tổ chức bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước.

Điều 15. Hình thức tổ chức, nội dung và chương trình bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước

1. Lớp bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước được tổ chức tập trung một kỳ liên tục, phải đảm bảo dạy và học đủ thời lượng, nội dung và chương trình theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thời lượng cho một lớp bồi dưỡng được quy định là 40 giờ, chưa bao gồm thời gian ôn tập và kiểm tra đánh giá kết quả học tập quy định tại Điều 16 Thông tư này.

	Tên chuyên đề	**Số giờ học**
A	**PHẦN KIẾN THỨC CHUNG**	
Chuyên đề 1	Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực thẩm định giá và hoạt động thẩm định giá của Nhà nước	8
Chuyên đề 2	Nguyên lý căn bản về thẩm định giá và việc áp dụng trong hoạt động thẩm định giá của Nhà nước	4
Chuyên đề 3	Phân tích tài chính doanh nghiệp	4
B	**PHẦN KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ**	
Chuyên đề 4	Thẩm định giá bất động sản	8
Chuyên đề 5	Thẩm định giá động sản 1 (Thẩm định giá máy, thiết bị)	8
Chuyên đề 6	Thẩm định giá động sản 2 (Thẩm định giá tài sản vô hình và các động sản khác)	4
Chuyên đề 7	Thẩm định giá doanh nghiệp	4

3. Một lớp học bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước tối đa không quá 150 học viên.

4. Đơn vị tổ chức bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước thực hiện việc biên soạn tài liệu bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước theo nội dung khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về thẩm định giá quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; đồng thời, có trách nhiệm cập nhật những nội dung, quy định mới của nhà nước liên quan đến lĩnh vực giá, thẩm định giá (trong đó có thẩm định giá nhà nước) trong quá trình giảng dạy.

Điều 16. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập

1. Kết thúc lớp bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước, đơn vị bồi dưỡng phải tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Việc kiểm tra được thực hiện bằng 1 (một) bài viết (tự luận hoặc trắc nghiệm do Thủ trưởng đơn vị bồi dưỡng quyết định) trong thời gian tối đa 150 phút cho cả phần kiến thức chung và phần kiến thức nghiệp vụ. Nội dung bài kiểm tra phải thể hiện được những kiến thức cơ bản của các chuyên đề trong chương trình học.

2. Điểm bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 10 (mười). Bài kiểm tra dưới 5 điểm là bài kiểm tra không đạt yêu cầu.

3. Học viên tham dự lớp học không đảm bảo tối thiểu 80% thời gian học theo quy định cho mỗi chuyên đề thì không được tham dự kiểm tra đánh giá kết quả học tập và phải học lại chuyên đề còn thiếu.

4. Trường hợp vì lý do đặc biệt, học viên không tham dự kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thì học viên phải có đơn đề nghị hoãn kiểm tra và phải được Thủ trưởng đơn vị tổ chức bồi dưỡng chấp thuận.

5. Học viên có bài kiểm tra không đạt yêu cầu và học viên chưa dự kiểm tra vì lý do đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều này có quyền dự kiểm tra lại một lần. Thời gian tổ chức kiểm tra lại cho những học viên trên do Thủ trưởng đơn vị bồi dưỡng quyết định nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc lớp bồi dưỡng.

Điều 17. Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước

1. Học viên có kết quả bài kiểm tra từ 5 (năm) điểm trở lên là học viên đạt yêu cầu lớp học và được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước.

2. Thủ trưởng đơn vị bồi dưỡng (hoặc cấp phó được Thủ trưởng đơn vị bồi dưỡng phân công) ký, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước. Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước theo Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và phải đóng dấu giáp lai ảnh của học viên.

3. Các trường hợp cấp lại Chứng chỉ vì bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai, địch họa hoặc lý do bất khả kháng khác do đơn vị bồi dưỡng xem xét, quyết định nhưng phải ghi rõ Chứng chỉ cấp lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cấp lại này.

4. Người có Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước được tham gia hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Điều 60 Luật Giá.

Người tham gia hội đồng thẩm định giá nhà nước có trách nhiệm chủ động thực hiện cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về thẩm định giá thông qua hoạt động thực thi công vụ của mình đồng thời qua ít nhất một trong các hình thức sau:

a) Tham gia hội nghị phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về thẩm định giá hoặc hội nghị tập huấn công tác thẩm định giá do Bộ Tài chính tổ chức hằng năm. Thời lượng tham gia tối thiểu: 01 hội nghị/năm;

b) Tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức về thẩm định giá do các đơn vị bồi dưỡng quy định tại Điều 14 Thông tư này tổ chức hằng năm. Thời lượng tham gia tối thiểu: 01 lớp/năm.

Chương IV
CẬP NHẬT KIẾN THỨC VỀ NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 18. Đối tượng cập nhật kiến thức

1. Thẩm định viên về giá, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề.

2. Các đối tượng khác có nhu cầu.

Điều 19. Đơn vị cập nhật kiến thức

1. Các trung tâm có chức năng bồi dưỡng nghiệp vụ thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính và Hội nghề nghiệp về thẩm định giá đáp ứng đủ các yêu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quy định tại Điều 4 Thông tư này thì được tổ chức cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá.

2. Trước khi mở lớp cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá đầu tiên trong năm, các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi công văn thông báo về Bộ Tài chính đối với việc cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá của mình.

Điều 20. Hình thức tổ chức, nội dung, tài liệu và thời lượng cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá

1. Lớp cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá được tổ chức tập trung một kỳ liên tục và phải đảm bảo đủ thời gian, nội dung và tài liệu theo các quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và định hướng nội dung cập nhật theo thông báo hằng năm của Bộ Tài chính. Mỗi lớp cập nhật kiến thức không quá 150 học viên.

2. Nội dung cập nhật kiến thức

a) Các quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá và pháp luật khác có liên quan đến hoạt động thẩm định giá của Việt Nam và quốc tế;

b) Kỹ năng, kinh nghiệm thẩm định giá, các tình huống thẩm định giá và đạo đức nghề nghiệp;

c) Các kiến thức và thông tin khác liên quan đến thẩm định giá.

3. Tài liệu cập nhật kiến thức do đơn vị tổ chức lớp cập nhật kiến thức thực hiện biên soạn và phải chứa đựng các nội dung cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều này. Đơn vị tổ chức cập nhật kiến thức có trách nhiệm thường xuyên cập nhật những nội dung, quy định mới của nhà nước liên quan đến lĩnh vực giá, thẩm định giá trong quá trình giảng dạy.

4. Thời lượng cập nhật kiến thức tối thiểu hằng năm là 20 giờ/năm đối với lĩnh vực thẩm định giá tài sản và 24 giờ/năm đối với lĩnh vực thẩm định giá doanh nghiệp. Trường hợp học viên đã tham dự lớp cập nhật kiến thức nhưng chưa đủ số giờ cập nhật kiến thức theo quy định thì phải tham dự tiếp các lớp cập nhật khác của cùng một đơn vị cập nhật kiến thức để bổ sung đủ số giờ cập nhật theo quy định nhưng tối đa không quá 2 (hai) lớp/năm.

Điều 21. Xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá

1. Học viên đã tham dự đủ số giờ cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư này được xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá theo lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp.

Thủ trưởng đơn vị cập nhật kiến thức (hoặc cấp phó được Thủ trưởng đơn vị cập nhật kiến thức phân công) ký, cấp xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá.

2. Xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá quy định tại khoản 1 Điều này là một trong những điều kiện để thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá theo lĩnh vực thẩm định giá tài sản hoặc thẩm định giá doanh nghiệp kể từ ngày được cấp xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá đến hết ngày 31/12 năm sau liền kề.

3. Trường hợp thẩm định viên về giá hành nghề tham dự Hội nghị Hội thẩm định viên về giá ASEAN thì Giấy chứng nhận tham dự Hội nghị thay thế văn bản xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá khi đăng ký hành nghề thẩm định giá.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc quản lý đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá

1. Tiếp nhận, tổng hợp số liệu, báo cáo về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá của các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức.

2. Thông báo định hướng nội dung cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá cho năm liền kề trước ngày 31/12 hằng năm.

3. Định kỳ hoặc đột xuất, Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tiến hành kiểm tra việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá của các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá được cấp theo quy định tại Quyết định số 87/2008/QĐ-BTC ngày 22/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được công nhận như chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

2. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá được cấp theo quy định tại Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá và Thông tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC được công nhận như chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá doanh nghiệp, chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

3. Những lớp đào tạo, bồi dưỡng về thẩm định giá có quyết định mở lớp học trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá và Thông tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá và Thông

tư số 11/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Cận

Phụ lục I

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG LỚP HỌC

(Kèm theo Thông tư số 39/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG LỚP HỌC

....., ngày... tháng... năm.....

Nhằm đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá; chúng tôi tiến hành lấy ý kiến phản hồi của **Ông/Bà** về các nội dung liên quan đến chất lượng chương trình, tài liệu thông qua việc trả lời các câu hỏi trong phiếu hỏi dưới đây. Các thông tin phản hồi của **Ông/Bà** sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá.

Câu 1. Xin Ông/Bà cho biết một số thông tin sau đây:

1. Họ và tên:.....

2. Mã số cán bộ, công chức, viên chức/Số thẻ thẩm định viên về giá (nếu có):

.....

3. Tên lớp học:.....

4. Thời gian tổ chức:.....

5. Đơn vị tổ chức:.....

6. Địa điểm tổ chức:.....

Câu 2. Dưới đây là các tiêu chí đánh giá liên quan đến chất lượng chương trình, tài liệu mà Ông/Bà trực tiếp được học tập. Ông/Bà hãy lựa chọn mức đánh giá (con số) trong thang đánh giá mà mình thấy phù hợp nhất về từng tiêu chí, đánh dấu x hoặc √ vào ô số đó.

Mức độ đánh giá

1	2	3	4	5
Không đạt	Đạt	Khá	Tốt	Rất tốt

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
1	Thực hiện các quy định của Bộ Tài chính về *(đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá)*	1	2	3	4	5
2	Chuyên đề học đã đạt được mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức. Học viên đã được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và kỹ năng cần thiết về thẩm định giá.	1	2	3	4	5
3	Nội dung chuyên đề phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức của học viên tham dự	1	2	3	4	5
4	Giảng viên giảng dễ hiểu, nhiệt tình, trách nhiệm cao; giải đáp tốt các câu hỏi của học viên	1	2	3	4	5
5	Giảng viên thực hiện đúng theo kế hoạch giảng dạy về nội dung và thời gian	1	2	3	4	5

Câu 3. Những ý kiến đóng góp khác của Ông/Bà để nâng cao chất lượng chương trình, tài liệu

.....

.....

.....

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA ÔNG/BÀ!

Ghi chú: (1) Nếu lớp học có nhiều chuyên đề thì đánh giá cho từng chuyên đề.

(2) Nếu lớp học có nhiều giảng viên thì đánh giá cho từng giảng viên.

Phụ lục II

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT YÊU CẦU LỚP HỌC VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HOẶC XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CẬP NHẬT KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông tư số 39/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. Đối với đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT YÊU CẦU LỚP HỌC VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ.....

(Lớp:.....)

Thời gian lớp học từ ngày... tháng... năm... đến ngày.... tháng... năm...

(Kèm theo Quyết định công nhận kết quả đạt yêu cầu lớp học số... ngày... tháng... năm....)

TT	Họ tên	Số CCCD/Hộ chiếu
1	2	3

***** Ghi chú: Giữa các trang của Danh sách phải có dấu giáp lai của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu:.....	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên, đóng dấu)*

B. Đối với cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá

TÊN ĐƠN VỊ CẬP NHẬT KIẾN THỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm.....*

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT YÊU CẦU LỚP HỌC VÀ ĐƯỢC XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CẬP NHẬT KIẾN THỨC VỀ NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ THEO LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN/DOANH NGHIỆP
(Lớp:.....)

Thời gian lớp học từ ngày... tháng... năm..... đến ngày.... tháng..... năm.....

(Kèm theo Quyết định xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức lớp học số... ngày... tháng... năm....)

TT	Họ tên	Số thẻ thẩm định viên về giá	Đơn vị công tác
1	2	3	4

* Ghi chú: Giữa các trang của Danh sách phải có dấu giáp lai của đơn vị.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: .....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục III

BÁO CÁO QUÝ VỀ VIỆC TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, CẬP NHẬT KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông tư số 39/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, CNKT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*...., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động Quý.....[1]

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

(Tên đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức) báo cáo tình hình tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước/cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá Quý... năm... như sau:

1. Lớp đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

TT	**Lớp học**	**Quyết định mở lớp** (số ngày tháng năm)	**Quyết định công nhận đạt yêu cầu lớp học** (số ngày tháng năm)	**Số lượng học viên đạt yêu cầu lớp học và được cấp Chứng chỉ**
1	Lớp 1			
2	Lớp 2			
...	...			
Tổng số	(Lớp)			(Học viên)

[1] Ghi rõ kỳ báo cáo, ví dụ Quý I năm 2024.

2. Lớp bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước

TT	**Lớp học**	**Quyết định mở lớp** (số ngày tháng năm)	**Quyết định công nhận đạt yêu cầu lớp học** (số ngày tháng năm)	**Số lượng học viên đạt yêu cầu lớp học và được cấp Chứng chỉ**
1	Lớp 1			
2	Lớp 2			
...	...			
Tổng số	(Lớp)			(Học viên)

3. Lớp cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá

TT	**Lớp học**	**Quyết định mở lớp** (số ngày tháng năm)	**Quyết định xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức** (số ngày tháng năm)	**Số lượng học viên đạt yêu cầu và được cấp xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức**
1	Lớp 1			
2	Lớp 2			
...	...			
Tổng số	(Lớp)			(Học viên)

Nội dung khác (nếu có):.....

.....

.....

Hồ sơ gửi kèm theo Báo cáo: *Quyết định mở từng lớp học; Quyết định công nhận đạt yêu cầu hoặc Quyết định xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức từng lớp học; Danh sách học viên đạt yêu cầu từng lớp học và được cấp Chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức; Lịch học của từng lớp học kèm theo nội dung, chương trình.*

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: .....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, CẬP NHẬT KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông tư số 39/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, CNKT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*...., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động năm...[1],

Phương hướng hoạt động năm...[2]

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

(Tên đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức) báo cáo tình hình tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước/cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá năm..... như sau:

1. Thông tin chung về đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

1.1. Tên đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá *(bao gồm tên tiếng Anh, tiếng Việt và tên viết tắt)*.

1.2. Quyết định thành lập đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Thủ trưởng đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá, gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, số CCCD/Hộ chiếu và ngày cấp, nơi cấp, chức vụ.

1.4. Địa chỉ cơ sở chính đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá; điện thoại; fax; website.

---

[1] Ghi rõ kỳ báo cáo, ví dụ năm 2024.

[2] Năm liền kề của kỳ báo cáo, ví dụ năm 2025.

2. Tình hình tổ chức đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước/cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá

2.1. Năm bắt đầu mở khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá (thường xuyên/không thường xuyên, lý do).

2.2. Số khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mở trong kỳ báo cáo; số học viên được chiêu sinh trung bình mỗi khóa.

2.3. Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập và cấp Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá/Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước/Xác nhận hoàn thành cập nhật kiến thức.

2.4. Giảng viên lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức

- Số giảng viên tham gia giảng dạy;

- Học hàm, học vị giảng viên.

2.5. Chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức.

2.6. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng thẩm định giá.

2.7. Các nội dung liên quan khác (nếu có).

3. Thống kê chi tiết tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thẩm định giá trong kỳ báo cáo

3.1. Lớp đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

TT	Lớp học	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số học viên tham dự	Số học viên đạt yêu cầu	Quyết định
1	Lớp 1					
2	Lớp 2					
...	...					
Tổng số	(Lớp)			(Học viên)	(Học viên)	(Quyết định)

3.2. Lớp bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước

TT	Lớp học	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số học viên tham dự	Số học viên đạt yêu cầu	Quyết định
1	Lớp 1					
2	Lớp 2					
...	...					
Tổng số	(Lớp)			(Học viên)	(Học viên)	(Quyết định)

3.3. Lớp cập nhật kiến thức về nghiệp vụ thẩm định giá

TT	Lớp học	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số học viên tham dự	Số học viên đạt yêu cầu	Quyết định
1	Lớp 1					
2	Lớp 2					
...	...					
Tổng số	(Lớp)			(Học viên)	(Học viên)	(Quyết định)

4. Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị:

.....

.....

.....

5. Phương hướng hoạt động năm tiếp theo:

.....

.....

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục V

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Thông tư số 39/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Chuyên đề Pháp luật áp dụng trong lĩnh vực thẩm định giá

1.1. Pháp luật về thẩm định giá: các quy định chung về thẩm định giá; các quy định đối với thẩm định viên về giá; các quy định đối với doanh nghiệp thẩm định giá; thẩm định giá nhà nước; cơ sở dữ liệu về giá; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về giá...

1.2. Pháp luật khác áp dụng trong lĩnh vực thẩm định giá

a) Pháp luật về tài sản và các quyền về tài sản: khái niệm tài sản và quyền tài sản, các loại tài sản bao gồm tài sản hữu hình, tài sản vô hình,...; các hình thức sở hữu; quyền sở hữu (nội dung quyền sở hữu, việc xác lập và chấm dứt quyền sở hữu);

b) Pháp luật về đất đai: các quy định chung; quyền hạn và trách nhiệm của Nhà nước, quyền hạn và nghĩa vụ của công dân đối với đất đai; quyền hạn và nghĩa vụ của người sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; tài chính về đất đai và giá đất;

c) Pháp luật về doanh nghiệp:

Khái niệm cơ bản về doanh nghiệp (doanh nghiệp; tư cách pháp nhân; tính trách nhiệm hữu hạn; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp); các mô hình doanh nghiệp tại Việt Nam; thành lập và tổ chức lại doanh nghiệp;

Pháp luật về cổ phần hóa, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

d) Pháp luật về kinh doanh bất động sản, hợp đồng, thuế, giải quyết tranh chấp, phá sản.

2. Chuyên đề Nguyên lý hình thành giá cả thị trường và Nguyên lý căn bản về thẩm định giá

2.1. Nguyên lý hình thành giá cả thị trường

a) Bản chất kinh tế của phạm trù giá cả trong nền kinh tế thị trường

b) Sự hình thành giá cả thị trường và các nhân tố tác động

c) Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- Chi phí sản xuất;

- Giá thành sản phẩm;

- Phân biệt chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm.

2.2. Nguyên lý căn bản về thẩm định giá

a) Khái niệm về thẩm định giá; đặc trưng của hoạt động thẩm định giá; đối tượng thẩm định giá; mục đích và vai trò của thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường;

b) Cơ sở giá trị thẩm định giá;

c) Toán ứng dụng trong thẩm định giá;

d) Phạm vi công việc thẩm định giá;

đ) Báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá;

e) Các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá;

g) Giới thiệu về Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam và Tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế.

2.3. Việc áp dụng trong hoạt động thẩm định giá của Nhà nước *(dành cho lớp bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước)*

a) Báo cáo thẩm định giá, thông báo kết quả thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá;

b) Các lưu ý trong áp dụng các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá đối với hoạt động thẩm định giá của Nhà nước (bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển giao tài sản công hoặc mua, đi thuê hàng hóa, dịch vụ, tài sản có sử dụng vốn nhà nước).

3. Chuyên đề Phân tích tài chính doanh nghiệp

3.1. Khái quát về phân tích tài chính doanh nghiệp: mục tiêu; nội dung; phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp.

3.2. Cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích tài chính doanh nghiệp: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính và các cơ sở dữ liệu khác.

3.3. Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp: Phân tích tình hình huy động và sử dụng vốn của doanh nghiệp, tình hình tài trợ và bảo đảm vốn cho hoạt động

kinh doanh, tình hình công nợ và khả năng thanh toán, khả năng tạo tiền và tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, điểm hòa vốn và việc ra quyết định, hiệu suất và hiệu quả sử dụng vốn, rủi ro tài chính và dự báo nhu cầu tài chính.

4. Chuyên đề Thẩm định giá bất động sản

4.1. Khái quát về bất động sản và thị trường bất động sản; các yếu tố ảnh hưởng đến giá bất động sản.

4.2. Thẩm định giá bất động sản

a) Khái niệm; vai trò; mục đích của thẩm định giá bất động sản;

b) Cơ sở giá trị trong thẩm định giá bất động sản;

c) Phạm vi công việc trong thẩm định giá bất động sản;

d) Báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá bất động sản;

đ) Các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá bất động sản theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.

4.3. Bài tập ứng dụng cụ thể cho các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá bất động sản.

5. Chuyên đề Thẩm định giá động sản 1 (Thẩm định giá máy, thiết bị)

5.1. Khái quát về máy, thiết bị và thị trường máy, thiết bị; các yếu tố ảnh hưởng đến giá máy, thiết bị.

5.2. Thẩm định giá máy, thiết bị

a) Khái niệm; vai trò; mục đích của thẩm định giá máy, thiết bị;

b) Cơ sở giá trị trong thẩm định giá máy, thiết bị;

c) Phạm vi công việc trong thẩm định giá máy, thiết bị;

d) Báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá máy, thiết bị;

đ) Các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá máy, thiết bị theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.

5.3. Bài tập ứng dụng cụ thể cho các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá máy, thiết bị.

6. Chuyên đề Thẩm định giá động sản 2 (Thẩm định giá tài sản vô hình và các động sản khác)

6.1. Khái quát về tài sản vô hình và thị trường tài sản vô hình; các yếu tố ảnh hưởng đến giá tài sản vô hình.

6.2. Thẩm định giá tài sản vô hình

a) Khái niệm; vai trò; mục đích của thẩm định giá tài sản vô hình;

b) Cơ sở giá trị trong thẩm định giá tài sản vô hình;

c) Phạm vi công việc trong thẩm định giá tài sản vô hình;

d) Báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá tài sản vô hình;

đ) Các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá tài sản vô hình theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.

6.3. Bài tập ứng dụng cụ thể cho các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá tài sản vô hình.

6.4. Khái quát về việc thẩm định giá một số động sản khác.

7. Chuyên đề Thẩm định giá doanh nghiệp

7.1. Khái quát về doanh nghiệp và giá trị doanh nghiệp; các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp.

7.2. Thẩm định giá doanh nghiệp

a) Khái niệm; vai trò; mục đích của thẩm định giá doanh nghiệp;

b) Cơ sở giá trị trong thẩm định giá doanh nghiệp;

c) Phạm vi công việc trong thẩm định giá doanh nghiệp;

d) Báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá doanh nghiệp;

đ) Các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá doanh nghiệp theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.

7.3. Thẩm định giá doanh nghiệp trong cổ phần hóa và thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam

7.4. Bài tập ứng dụng cụ thể cho các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá doanh nghiệp.

Phụ lục VI

MẪU CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG THẨM ĐỊNH GIÁ NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Thông tư số 39/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

ĐƠN VỊ:.....
(Tên đơn vị đào tạo)

Ảnh
4 x 6cm
(đóng dấu giáp lai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ
(Lĩnh vực thẩm định giá:.....)

Chứng nhận: Ông (Bà):.....

Ngày sinh:..... Quê quán.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại.....

Đơn vị công tác:.....

Đã hoàn thành Lớp đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá

Từ ngày..... đến ngày.....

Tại.....

QĐ công nhận kết quả lớp học số....
ngày..../..../...
Số chứng chỉ:.....

....., ngày... tháng... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên, đóng dấu)

B. Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước

ĐƠN VỊ:.....
(Tên đơn vị bồi dưỡng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6cm
(đóng dấu giáp lai)

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG THẨM ĐỊNH GIÁ NHÀ NƯỚC

Chứng nhận: Ông (Bà):.....
Ngày sinh:..... Quê quán.....
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... cấp ngày..... tại.....
Đơn vị công tác:.....
Đã hoàn thành Lớp bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước
Từ ngày..... đến ngày.....
Tại.....

QĐ công nhận kết quả lớp học số....
ngày..../..../...
Số chứng chỉ:.....

....., ngày... tháng ... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên, đóng dấu)